

## **Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

# Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 36

# Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300381564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; kinh doanh nhà ở và đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch kiêm Thường trực Thành viên Thường trực Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017 Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017 Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hoa Cường	Chủ tịch Thành viên	Từ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017 Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Hoàng Nghĩa Đan	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Quang Định	Thành viên Thành viên Thường trực	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017 Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Đoàn Hoài Thanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Lộc	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Tường Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Ngô Quang Hùng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quang Định	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quang Định.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính riêng, và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61348213/19408918/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 4 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của chúng tôi đề ngày 4 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 6 tháng 3 năm 2017. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 5 tháng 8 năm 2016.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số 3021-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.635.757.597.559</b>	<b>1.218.883.839.166</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>49.989.096.342</b>	<b>69.840.553.073</b>
111	1. Tiền		49.989.096.342	69.840.553.073
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>809.441.242.470</b>	<b>609.428.933.369</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	808.154.925.059	612.268.992.113
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	34.271.846.127	18.434.735.745
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		5.294.032.602	6.033.943.741
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	5, 6	(38.790.265.490) 510.704.172	(27.308.738.230) -
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>754.834.841.771</b>	<b>533.519.186.707</b>
141	1. Hàng tồn kho		754.834.841.771	536.596.773.914
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(3.077.587.207)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.492.416.976</b>	<b>6.095.166.017</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.717.014.359	3.170.669.375
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		12.226.196.503	2.924.496.642
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		549.206.114	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>923.363.298.661</b>	<b>725.483.856.140</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		-	<b>395.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	395.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>320.539.887.970</b>	<b>294.046.948.234</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	272.976.705.640	248.788.981.828
222	Nguyên giá		675.831.745.298	629.940.058.374
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(402.855.039.658)	(381.151.076.546)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	47.563.182.330	45.257.966.406
228	Nguyên giá		58.153.265.091	55.241.062.899
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.590.082.761)	(9.983.096.493)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>250.443.662.763</b>	<b>226.233.372.527</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		250.443.662.763	226.233.372.527
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>254.647.032.812</b>	<b>109.752.882.762</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		250.000.000.000	105.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.879.874.312	5.139.874.312
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(232.841.500)	(386.991.550)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>97.732.715.116</b>	<b>95.055.652.617</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	97.732.715.116	94.648.714.262
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	-	406.938.355
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.559.120.896.220</b>	<b>1.944.367.695.306</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.390.031.785.683</b>	<b>1.240.494.416.090</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.264.954.929.901</b>	<b>1.126.787.568.802</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	290.428.295.647	280.737.481.077
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	39.905.186.568	20.348.260.233
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.048.370.678	12.837.204.689
314	4. Phải trả người lao động		32.526.692.131	40.692.342.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		8.740.840.366	9.431.344.315
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	249.615.871.888	221.111.626.249
320	7. Vay ngắn hạn	18	565.873.790.922	504.367.473.797
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	17	18.671.761.441	19.211.206.740
322	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		44.144.120.260	18.050.628.868
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>125.076.855.782</b>	<b>113.706.847.288</b>
338	1. Vay dài hạn	18	105.967.945.000	96.754.591.005
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	143.993.213	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn khác	17	18.964.917.569	16.952.256.283
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.169.089.110.537</b>	<b>703.873.279.216</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>1.169.089.110.537</b>	<b>703.873.279.216</b>
411	1. Vốn cổ phần		576.000.000.000	288.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		576.000.000.000	288.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		330.908.090.000	43.234.340.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		108.113.062.534	108.113.062.534
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		154.067.958.003	264.525.876.682
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		18.832.937.565	55.734.037.307
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		135.235.020.438	208.791.839.375
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.559.120.896.220</b>	<b>1.944.367.695.306</b>

Nguyễn Chí Đức  
Người lập

Dương Liễu Mai Khanh  
Kế toán trưởng

Lê Quang Định  
Tổng Giám đốc



Ngày 4 tháng 8 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.497.530.564.636	2.074.635.789.605
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(35.438.661.489)	(41.638.932.869)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.462.091.903.147	2.032.996.856.736
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21	(2.226.550.801.844)	(1.814.942.882.418)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		235.541.101.303	218.053.974.318
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	39.711.590.735	56.954.023.065
22	7. Chi phí tài chính	22	(21.914.359.870)	(21.181.602.577)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(11.512.593.343)	(10.779.981.824)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(33.918.989.159)	(33.834.541.306)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(60.899.735.251)	(46.927.284.434)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		158.519.607.758	173.064.569.066
31	11. Thu nhập khác		2.275.109.492	3.821.934.733
32	12. Chi phí khác		(197.584.890)	(6.338.902.578)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		2.077.524.602	(2.516.967.845)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		160.597.132.360	170.547.601.221
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(24.811.180.354)	(22.453.219.705)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.1	(550.931.568)	(584.773.739)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		135.235.020.438	147.509.607.777

Nguyễn Chí Đức  
Người lập

Dương Liễu Mai Khanh  
Kế toán trưởng

Lê Quang Định  
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>160.597.132.360</b>	<b>170.547.601.221</b>
	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	22.310.949.380	19.971.222.813
03	Các khoản dự phòng		8.249.790.003	(120.998.809)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(870.634.155)	50.405.686
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(38.268.114.512)	(54.325.833.168)
06	Chi phí lãi vay	22	11.512.593.343	10.779.981.824
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>163.531.716.419</b>	<b>146.902.379.567</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(220.517.526.709)	(51.865.422.308)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(218.238.067.857)	62.847.023.707
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		51.272.810.291	(16.078.667.616)
12	Tăng chi phí trả trước		(8.630.345.838)	(28.252.327.939)
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.852.472.964)	(10.525.186.424)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.622.975.847)	(20.222.651.532)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	104.359.508
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.999.447.725)	(14.442.704.102)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(285.056.310.230)</b>	<b>68.466.802.861</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(73.014.179.352)	(151.761.757.143)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(145.000.000.000)	(5.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		260.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		38.268.114.512	55.324.536.368
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(179.486.064.840)</b>	<b>(101.437.220.775)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		574.199.790.000	-
33	Tiền vay nhận được	18	1.331.692.052.706	704.937.058.862
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(1.260.972.381.586)	(733.201.188.951)
36	Cổ tức đã trả	19.5	(200.616.300.000)	(85.873.191.200)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>444.303.161.120</b>	<b>(114.137.321.289)</b>
<b>50</b>	<b>Giảm tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(20.239.213.950)</b>	<b>(147.107.739.203)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>69.840.553.073</b>	<b>184.896.436.138</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		387.757.219	(338.996.355)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>49.989.096.342</b>	<b>37.449.700.580</b>




Nguyễn Chí Đức  
Người lập



Dương Liễu Mai Khanh  
Kế toán trưởng



  
Lê Quang Định  
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 8 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300381564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; kinh doanh nhà ở và đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 779 (31 tháng 12 năm 2016 là: 790).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### 3.3 *Dự phòng các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Các quyền sử dụng đất*

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 39 đến 50 năm. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45.

#### 3.9 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng	49.324.953.976	69.077.746.476
Tiền mặt	664.142.366	762.806.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.989.096.342</b>	<b>69.840.553.073</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
Phải thu từ các bên khác	731.410.349.296	478.696.949.981
- Công ty Cổ phần Nhóm Công ty Đức Tường	123.504.533.896	69.889.347.336
- Công ty TNHH Thiết Bị Điện Quý Dân	97.239.469.118	81.560.079.146
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	93.249.138.067	4.347.566.603
- Công ty Cổ phần Điện Máy Thành Phố Hồ Chí Minh	47.966.921.861	49.378.466.548
- Các khách hàng khác	369.450.286.354	273.521.490.348
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	76.744.575.763	133.572.042.132
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>808.154.925.059</b>	<b>612.268.992.113</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.317.030.898)	(22.498.417.403)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>776.837.894.161</b>	<b>589.770.574.710</b>

Công ty đã sử dụng một phần giá trị khoản phải thu làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

**Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	22.498.417.403	25.259.873.623
Dự phòng trích lập trong kỳ	8.818.613.495	-
Sử dụng và hoàn nhập trong kỳ	-	(657.908.825)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31.317.030.898</b>	<b>24.601.964.798</b>
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417
- Công ty TNHH TMDV Điện Tân Miền Nam	185.237.370	185.237.370
- Các công ty khác	11.871.267.111	5.156.201.011



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
RMM Metallhandel GMBH	7.473.234.592	6.871.886.896
Công ty Cổ phần Địa Ốc - Cáp điện Thịnh Phát	5.664.475.175	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại - HK	777.153.503	5.564.535.848
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	15.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	5.356.982.857	5.998.313.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.271.846.127</b>	<b>18.434.735.745</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi - RMM Metallhandel GMBH	(7.473.234.592)	(4.810.320.827)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>26.798.611.535</b>	<b>13.624.414.918</b>

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	4.810.320.827	4.810.320.827
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.662.913.765	-
Số cuối kỳ	7.473.234.592	4.810.320.827

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thành phẩm	359.361.719.001	321.787.736.532
Nguyên vật liệu	259.079.058.519	149.272.874.338
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	104.372.087.299	63.979.236.813
Hàng mua đang đi đường	29.580.514.723	-
Công cụ, dụng cụ	1.561.219.192	665.703.991
Hàng hóa	792.425.700	891.222.240
Hàng gửi bán	87.817.337	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>754.834.841.771</b>	<b>536.596.773.914</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.077.587.207)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>754.834.841.771</b>	<b>533.519.186.707</b>

Công ty đã sử dụng một phần giá trị hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

# Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	149.525.315.509	434.096.863.627	42.470.362.764	3.847.516.474	629.940.058.374
Mua mới trong kỳ	-	5.696.909.439	5.312.700.000	544.058.182	11.553.667.621
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	32.498.019.303	1.840.000.000	-	34.338.019.303
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	149.525.315.509	472.291.792.369	49.623.062.764	4.391.574.656	675.831.745.298
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	38.358.211.074	189.075.110.456	18.906.497.599	2.255.475.812	248.595.294.941
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(66.350.963.819)	(285.004.028.395)	(26.643.473.949)	(3.152.610.383)	(381.151.076.546)
Khấu hao trong kỳ	(3.130.150.012)	(16.278.032.774)	(2.094.868.021)	(200.912.305)	(21.703.963.112)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(69.481.113.831)	(301.282.061.169)	(28.738.341.970)	(3.353.522.688)	(402.855.039.658)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	83.174.351.690	149.092.835.232	15.826.888.815	694.906.091	248.788.981.828
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	80.044.201.678	171.009.731.200	20.884.720.794	1.038.051.968	272.976.705.640
Trong đó:					
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 18)	37.998.695.735	7.380.954.148	-	-	45.379.649.883



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	54.116.285.959	1.124.776.940	55.241.062.899
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.912.202.192	2.912.202.192
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	54.116.285.959	4.036.979.132	58.153.265.091
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.124.776.940	1.124.776.940
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(8.858.319.553)	(1.124.776.940)	(9.983.096.493)
Hao mòn trong kỳ	(509.912.862)	(97.073.406)	(606.986.268)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(9.368.232.415)	(1.221.850.346)	(10.590.082.761)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	45.257.966.406	-	45.257.966.406
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	44.748.053.544	2.815.128.786	47.563.182.330
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 18)</i>	41.623.053.544	-	41.623.053.544

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dự án xây dựng tại 799 Kinh Dương Vương	127.243.482.364	127.243.482.364
Dự án Nhà máy Cáp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung	98.739.194.843	87.341.965.142
Mua sắm, sửa chữa và nâng cấp máy móc thiết bị	24.460.985.556	8.291.300.517
Phần mềm quản lý	-	3.356.624.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>250.443.662.763</b>	<b>226.233.372.527</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào các công ty con (i)	250.000.000.000	105.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	4.879.874.312	5.139.874.312
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>254.879.874.312</b>	<b>110.139.874.312</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(232.841.500)	(386.991.550)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>254.647.032.812</b>	<b>109.752.882.762</b>

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	150.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	100.000.000.000	100%	5.000.000.000	100%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>250.000.000.000</b>		<b>105.000.000.000</b>	

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3603058326 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 6 năm 2013 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất dây cáp điện, cáp viễn thông; sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện; sản xuất, buôn bán các sản phẩm từ kim loại (đồng, nhôm).

Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0107408296 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 4 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty này là bán buôn dây cáp điện, khí cụ điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.178.670.000	(232.841.500)	1.945.828.500	2.178.670.000	(386.991.550)	1.791.678.450
Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	1.057.011.301	-	1.057.011.301
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	1.020.000.000	-	1.020.000.000	1.020.000.000	-	1.020.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Điện Cơ	124.193.011	-	124.193.011	124.193.011	-	124.193.011
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	-	-	-	260.000.000	-	260.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.879.874.312</b>	<b>(232.841.500)</b>	<b>4.647.032.812</b>	<b>5.139.874.312</b>	<b>(386.991.550)</b>	<b>4.752.882.762</b>

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.717.014.359</b>	<b>3.170.669.375</b>
Chi phí hội nghị khách hàng trả trước	2.954.895.067	-
Chi phí làm pano quảng cáo	1.630.388.185	1.653.324.400
Công cụ, dụng cụ	1.269.003.209	1.094.142.272
Chi phí quản lý Khu Công nghiệp	1.039.507.286	-
Khác	1.823.220.612	423.202.703
<b>Dài hạn</b>	<b>97.732.715.116</b>	<b>94.648.714.262</b>
Tiền thuê đất	91.597.296.842	92.814.764.120
Công cụ, dụng cụ	4.994.062.495	1.784.322.726
Khác	1.141.355.779	49.627.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.449.729.475</b>	<b>97.819.383.637</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	157.860.300.615	107.668.352.179
Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu Khí Biển	31.912.564.706	-
Công ty TNHH Đức Biên	31.335.184.337	2.420.958.615
LS Nikko Copper Inc	-	107.038.747.118
Khác	69.320.245.989	63.609.423.165
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>290.428.295.647</b>	<b>280.737.481.077</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ban Quản Lý Dự Án Các Công Trình Điện Miền Nam - CN Tổng Công ty Truyền Tải Điện Quốc Gia	16.766.759.627	8.820.677.122
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Tân Nghệ Nam	4.779.396.952	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	2.070.000.000	3.070.000.000
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	1.202.300.000	5.202.300.000
Khác	15.086.729.989	3.255.283.111
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.905.186.568</b>	<b>20.348.260.233</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.1)	11.721.351.293	24.811.180.354	(23.622.975.847)	12.909.555.800
Thuế thu nhập cá nhân	965.456.577	7.729.873.601	(7.738.565.625)	956.764.553
Thuế khác	150.396.819	2.245.250.605	(1.213.597.099)	1.182.050.325
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.837.204.689</b>	<b>34.786.304.560</b>	<b>(32.575.138.571)</b>	<b>15.048.370.678</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
Nhận ký quỹ và ký cược (*)	244.788.471.789	216.425.263.848
Cổ tức phải trả	3.749.085.450	2.765.385.450
Tiền thu do phát hành cổ phiếu tăng vốn	-	1.473.960.000
Chi phí phải trả khác	1.078.314.649	447.016.951
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>249.615.871.888</b>	<b>221.111.626.249</b>

(\*) Đây là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất 9,6%/năm.

**17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Số dư này thể hiện khoản dự phòng bảo hành sản phẩm tại ngày lập báo cáo tài chính, được trích lập ước tính bằng 3% giá trị hợp đồng.

**18. VAY**

	Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18.1)	Vay dài hạn (Thuyết minh số 18.2)	VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	504.367.473.797	96.754.591.005	601.122.064.802
Tăng trong kỳ	1.318.318.643.711	13.373.408.995	1.331.692.052.706
Giảm trong kỳ	(1.256.812.326.586)	(4.160.055.000)	(1.260.972.381.586)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<b>565.873.790.922</b>	<b>105.967.945.000</b>	<b>671.841.735.922</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.1 Các khoản vay ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (i)	558.775.101.922	490.174.784.797
Vay ngắn hạn từ đối tượng khác (ii)	7.098.689.000	14.192.689.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>565.873.790.922</b>	<b>504.367.473.797</b>

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích
	VND	%/năm			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	277.698.686.399	5%	Ngày 27 tháng 10 năm 2017	Tín chấp	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	256.821.287.449	4,8%	Ngày 27 tháng 9 năm 2017		
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Sở Giao Dịch 2	6.412.386.748	5%	Ngày 28 tháng 7 năm 2017		
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	17.842.741.326	4,85%	Ngày 28 tháng 9 năm 2017	Hàng tồn kho hạn mức 2 triệu USD và khoản phải thu hạn mức 3 triệu USD	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>558.775.101.922</b>				

(ii) Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ tổ chức khác như sau:

Đối tượng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích
	VND	%/năm			
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	7.098.689.000	9,15%	Ngày 20 tháng 12 năm 2017	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên lô đất Số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thể và hạ thế



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích
	VND	%/năm			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	89.967.945.000	7%	Ngày 2 tháng 1 năm 2023	Thế chấp công trình nhà xưởng gắn liền với đất tại Lô C2-4, đường N7, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh; máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư lần này và máy xoắn Drum Twister thuộc dự án "Nhà máy sản xuất dây cáp điện, Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thể và hạ thế."	Thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện - Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng mới nhà xưởng và bổ sung thiết bị sản xuất dây cáp điện" tại Lô C2-4, Đường N7, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng TNHH CTCB - Chi nhánh Hồ Chí Minh	16.000.000.000	6,65%	Ngày 15 tháng 3 năm 2019	Thế chấp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hàng hóa có giá trị tương đương 24 tỷ đồng.	Mua đất và nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Long Thành, Đường Phước Hữu, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>105.967.945.000</u></b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

					VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	288.000.000.000	43.234.340.000	82.602.015.668	189.754.658.123	603.591.013.791
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	-	-	-	147.509.607.777	147.509.607.777
Trích quỹ	-	-	25.511.046.866	(47.620.620.816)	(22.109.573.950)
Cổ tức công bố	-	-	-	(86.400.000.000)	(86.400.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	288.000.000.000	43.234.340.000	108.113.062.534	203.243.645.084	642.591.047.618
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	288.000.000.000	43.234.340.000	108.113.062.534	264.525.876.682	703.873.279.216
Tăng vốn trong kỳ (i)	288.000.000.000	287.673.750.000	-	-	575.673.750.000
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	-	-	-	135.235.020.438	135.235.020.438
Trích quỹ	-	-	-	(44.092.939.117)	(44.092.939.117)
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	(201.600.000.000)	(201.600.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	576.000.000.000	330.908.090.000	108.113.062.534	154.067.958.003	1.169.089.110.537

- (i) Vào ngày 9 tháng 3 năm 2017, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký chào bán 28.800.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu tại mức giá 20.000 VND/cổ phiếu theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và Giấy Chứng nhận số 76/GCN-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 288.000.000.000 VND lên 576.000.000.000 VND, và được phê duyệt theo GCNĐKKD thay đổi lần 6 vào ngày 19 tháng 6 năm 2017.
- (ii) Vào ngày 16 tháng 5 năm 2017, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền tại mức 35% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo phê duyệt của Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2017.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Chi tiết chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Vốn cổ phần (VND)	% sở hữu	Vốn cổ phần (VND)	% sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	430.436.480.000	74,7%	215.218.240.000	74,7%
Cổ đông khác	145.563.520.000	25,3%	72.781.760.000	25,3%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>576.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>288.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu kỳ	288.000.000.000	288.000.000.000
Tăng trong kỳ	288.000.000.000	-
Số cuối kỳ	576.000.000.000	288.000.000.000

**19.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Số lượng cổ phiếu Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	57.600.000	28.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	57.600.000	28.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	57.600.000	28.800.000

**19.5 Cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức công bố	201.600.000.000	86.400.000.000
Cổ tức đã trả	(200.616.300.000)	(85.873.191.200)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>2.497.530.564.636</b>	<b>2.074.635.789.605</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	2.259.557.576.703	1.882.664.746.049
Doanh thu bán nguyên vật liệu	173.367.831.262	185.700.947.689
Doanh thu bán hàng hóa	63.029.075.578	4.936.257.685
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.576.081.093	1.333.838.182
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(35.438.661.489)</b>	<b>(41.638.932.869)</b>
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(30.212.279.125)	(40.928.974.828)
Hàng bán bị trả lại	(5.226.382.364)	(709.958.041)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>2.462.091.903.147</b>	<b>2.032.996.856.736</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.131.404.536.308	1.861.932.537.473
Doanh thu đối với bên liên quan	330.687.366.839	171.064.319.263

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức và lợi nhuận được chia	37.768.082.365	55.987.737.367
Lãi chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	870.634.155	-
Khác	1.072.874.215	966.285.698
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.711.590.735</b>	<b>56.954.023.065</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.994.310.151.383	1.632.473.728.926
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	171.375.780.677	177.214.636.779
Giá vốn của hàng hóa đã bán	59.889.135.798	4.278.782.727
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	975.733.986	975.733.986
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.226.550.801.844</b>	<b>1.814.942.882.418</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền vay	11.512.593.343	10.779.981.824
Lãi ký quỹ	9.168.982.525	9.777.619.967
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.386.934.052	700.884.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	50.405.686
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(154.150.050)	(127.289.200)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.914.359.870</b>	<b>21.181.602.577</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.379.741.099	16.404.728.589
Chi phí nhân viên	6.305.892.539	2.884.218.057
Chi phí bảo hành	1.810.216.590	5.554.124.062
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.737.680	110.191.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.822.182	-
Chi phí khác bằng tiền	9.286.579.069	8.881.279.440
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.918.989.159</b>	<b>33.834.541.306</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí nhân viên	20.710.245.054	24.226.640.361
Chi phí dự phòng (hoàn nhập chi phí dự phòng)	11.481.527.260	(657.908.825)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.101.575.432	5.582.783.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.751.073.588	1.874.144.714
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	281.440.513	329.771.071
Thuế, phí và lệ phí	100.157.455	174.391.793
Chi phí khác bằng tiền	20.473.715.949	15.397.462.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.899.735.251</b>	<b>46.927.284.434</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.120.407.346.279	1.632.118.837.058
Chi phí nhân viên	98.111.925.512	85.794.259.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.239.251.072	24.073.106.876
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	22.310.949.380	19.971.222.813
Chi phí khác	48.349.652.415	36.247.681.704
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.315.419.124.658</b>	<b>1.798.205.107.896</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Trong năm 2017, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") tại mức thuế suất phổ thông 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.811.180.354	22.453.219.705
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	550.931.568	584.773.739
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.362.111.922</b>	<b>23.037.993.444</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>160.597.132.360</b>	<b>170.547.601.221</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	32.119.426.472	34.109.520.244
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	795.584.945	126.020.673
Thu nhập cố tức miễn thuế	(7.553.616.473)	(11.197.547.473)
Khác	716.978	-
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>25.362.111.922</b>	<b>23.037.993.444</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

		VND	
		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
		Bảng cân đối kế toán riêng	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>			
Các khoản chi phí phải trả	-	611.115.856	(611.115.856)
Tiền thuê đất trích trước	48.800.000	24.400.000	24.400.000
			-
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(192.793.213)	(228.577.501)	35.784.288
			210.074.653
<b>(Thuế TNDN hoãn lại phải trả) tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần</b>	<b>(143.993.213)</b>	<b>406.938.355</b>	
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>		<b>(550.931.568)</b>	<b>(584.773.739)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	786.084.313.989	240.109.147.193
		Cổ tức đã trả	150.652.768.000	56.165.472.000
		Bán hàng hóa	-	910.125.908
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	61.358.387.918	29.514.010.904
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Bán hàng hóa	186.041.962.384	94.757.048.815
		Góp vốn	95.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Mua nguyên vật liệu và sử dụng dịch vụ gia công kéo đồng	137.245.133.509	50.426.017.588
		Bán hàng hóa	80.136.253.857	17.911.096.545
		Góp vốn	50.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	37.509.692.365	54.508.737.367
		Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	15.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	162.880.751.658	-
		Bán hàng hóa	-	30.128.114.174
Công ty Dây đồng Việt Nam	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	17.393.270.680	75.501.176.429



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

					VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>					
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Bán hàng hóa	45.108.162.652	113.425.163.112	
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Bán hàng hóa và cho thuê máy móc	31.579.032.615	8.754.118.236	
		Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	-	2.304.543.057	
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	57.380.496	9.088.217.727	
			<b>76.744.575.763</b>	<b>133.572.042.132</b>	

**Ứng trước cho người bán ngắn hạn**

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	15.000.000.000	-	
----------------------------------	-------------------	--------------	----------------	---	--

**Phải trả người bán ngắn hạn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	116.648.488.464	81.305.811.033	
Công ty Dây đồng Việt Nam	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	3.267.144.412	18.663.078.132	
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	37.944.667.739	7.699.463.014	
			<b>157.860.300.615</b>	<b>107.668.352.179</b>	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và các lợi ích khác	2.891.958.193	3.156.735.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 28. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng kỳ này theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Chi tiết như sau:

VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (được trình bày lại)
--	---------------	--

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	622.100.645.944	(9.831.653.831)	612.268.992.113
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	635.515.856	(228.577.501)	406.938.355
Chi phí phải trả ngắn hạn	18.645.036.509	(9.213.692.194)	9.431.344.315
Phải trả ngắn hạn khác	221.729.587.886	(617.961.637)	221.111.626.249
Dự phòng phải trả ngắn hạn	36.163.463.023	(16.952.256.283)	19.211.206.740
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	228.577.501	(228.577.501)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	16.952.256.283	16.952.256.283

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (được trình bày lại)
---	---------------	---

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Doanh thu tài chính	57.096.870.649	(142.847.584)	56.954.023.065
Chi phí tài chính	(21.324.450.161)	142.847.584	(21.181.602.577)

## 29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
-----------------------------	------------------------------

Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	221.977,13	531.147,04
- Đồng Euro (EUR)	583,48	585,48



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Chí Đức  
Người lập



Dương Liễu Mai Khanh  
Kế toán trưởng



Lê Quang Định  
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 8 năm 2017



# Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

## PHỤ LỤC 1:

### GIẢI TRÌNH NGUYÊN NHÂN BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 trình bày kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế là 160,597 tỷ đồng cho thấy có biến động giảm 9,95 tỷ đồng (tương ứng giảm 5,83%), so với kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế của cùng kỳ kế toán năm 2016 (trị giá là 170,547 tỷ đồng). Theo đó, biến động kết quả giữa 2 kỳ là không đáng kể.



Nguyễn Chí Đức  
Người lập



Dương Liễu Mai Khanh  
Kế toán trưởng



Lê Quang Định  
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 8 năm 2017